

**ĐỀ CƯƠNG**

**Tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh,  
khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

---

Căn cứ Điều 94, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xây dựng Đề cương tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thứ 11 để đại biểu nghiên cứu sử dụng khi tiếp xúc cử tri với các nội dung sau:

**I. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH KỲ HỌP THỨ 11, HĐND TỈNH**

Kỳ họp thứ 11 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2019) dự kiến được tổ chức trong 3,5 ngày: ngày 21 tháng 6 năm 2019 họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh thảo luận các văn bản trình kỳ họp, từ ngày 03 đến ngày 05 tháng 7 năm 2019 họp toàn thể tại hội trường. Tại kỳ họp này, HĐND tỉnh sẽ xem xét, thảo luận các Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019; về công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về giải quyết khiếu nại tố cáo 6 tháng đầu năm 2019; báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm của Thường trực, các Ban HĐND tỉnh và các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; thông báo về việc tham gia xây dựng chính quyền của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Kỳ họp sẽ xem xét, cho ý kiến đối với 31 dự thảo Nghị quyết trên các lĩnh vực do UBND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh trình. Thường trực HĐND tỉnh cung cấp danh sách 31 dự thảo Nghị quyết (theo 7 nhóm) và thông tin tóm tắt nội dung của một số nghị quyết có tác động trực tiếp đến người dân để đại biểu nghiên cứu, lựa chọn báo cáo với cử tri để cử tri có thể góp ý cho các nội dung sắp được HĐND tỉnh thông qua, cụ thể như sau:

**\* Nhóm Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ ngân sách và đầu tư công:**

1. *Nghị quyết về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng cuối năm 2019.*

2. *Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2019.*

3. *Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.*

**\* Nhóm Nghị quyết về phân bổ biên chế và sắp xếp bộ máy:**

4. *Nghị quyết về việc điều chỉnh Điều 1 của Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch phân*

*bổ biên chế công chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Bến Tre năm 2019.*

*5. Nghị quyết về việc thông qua Kế hoạch phân bổ số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc trong các tổ chức hội đặc thù của tỉnh Bến Tre năm 2019.*

*6. Nghị quyết về nhập các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

*Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết như sau:*

- Thành phố Bến Tre:
  - + Phường 1: Nhập toàn bộ khu phố 1 vào khu phố 2 để thành lập khu phố 4.
  - + Phường 2 : Nhập toàn bộ khu phố 3 vào khu phố 1.
  - + Xã Phú Nhuận: Nhập toàn bộ ấp 4 vào ấp 2.
- Huyện Mỏ Cà Nam: điều chỉnh 06 ấp thuộc xã Bình Khánh Tây:
  - + Nhập một phần ấp An Ninh vào ấp An Hòa.
  - + Nhập toàn bộ ấp An Phước và phần còn lại của ấp An Ninh vào ấp An Thạnh.
  - + Nhập toàn bộ ấp An Hóa Tây vào ấp An Hóa Đông để thành lập ấp An Hóa.
- Huyện Châu Thành:
  - + Xã Phú Đức: Nhập toàn bộ ấp Phú Lễ vào ấp Phú Định để thành lập ấp Định Lễ.
  - + Xã An Khánh: Nhập toàn bộ ấp An Thới B vào ấp An Phú.
  - + Xã Giao Hòa: Nhập toàn bộ ấp Hòa Thạnh vào ấp Hòa Hưng để thành lập ấp Hòa Hưng Thạnh.
  - + Xã Tân Thạch: Nhập toàn bộ ấp Tân Phong Nội vào ấp Tân Quới Nội.
  - + Thị trấn Châu Thành: Nhập toàn bộ khu phố 1 vào khu phố 3.

*7. Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre do thực hiện nhập xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố.*

*Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết như sau: Đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ:*

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã dôi dư nhưng được bố trí lại chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã sẽ được bảo lưu mức lương, phụ cấp hiện hưởng và chế độ bảo hiểm trong thời gian tối đa 5 năm; khi có nhu cầu bố trí, sử dụng lại ở chức danh công chức cấp xã thì không phải thực hiện quy trình thi tuyển hoặc xét tuyển.

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã dôi dư được giải quyết thôi việc ngay hoặc khi hết thời hạn 5 năm kể từ khi bố trí chức danh không chuyên trách nhưng không được bố trí lại chức danh cán bộ, công chức, phải giải quyết cho thôi việc:

Ngoài được hưởng các chính sách theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương, cán bộ, công chức cấp xã sẽ được hỗ trợ mỗi năm công tác bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng.

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã dôi dư được cho thôi việc ngay, nếu trong thời gian công tác được tính để hưởng trợ cấp có số năm hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố thì thời gian này được hưởng chế độ theo quy định.

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố:

Giải quyết cho thôi việc kể từ ngày Nghị quyết về việc sắp xếp đối với từng xã, phường, thị trấn của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì ngoài được hưởng các chính sách theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương (Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh), khi nghỉ việc được hỗ trợ mỗi năm công tác bằng 1 tháng sinh hoạt phí hiện hưởng gồm: Phụ cấp, trợ cấp và trợ cấp thêm do có bằng cấp chuyên môn (nếu có).

Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ việc do nhập đơn vị hành chính cấp xã không được hưởng chế độ nghỉ việc theo Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 04/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

*8. Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016-2021.*

Miễn nhiệm Ông Trương Duy Hải, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh và Ông Nguyễn Hữu Phước, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa – xã hội. Lý do: nghỉ hưu.

**\* Nhóm Nghị quyết liên quan đến tài nguyên, môi trường:**

*9. Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019.*

*10. Nghị quyết bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 về danh mục các dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh trong năm 2019.*

*11. Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác cát lòng sông đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

*12. Nghị quyết triển khai thực hiện Dự án khôi phục và nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba Giao Hòa - Chệt Sậy đến cống đập Ba Lai.*

*Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết:*

Cho chủ trương triển khai thực hiện Dự án Khôi phục và Nâng cấp sông Ba Lai đoạn từ ngã ba Giao Hòa - Chệt Sậy đến cống đập Ba Lai, cụ thể:

- Chiều dài nạo vét là 23 km; tổng khối lượng nạo vét là 19.176.407 m<sup>3</sup> (trong đó khối lượng cát, cát pha thu hồi 8.491.535 m<sup>3</sup>. Giá cát tính cho 01m<sup>3</sup> thành phẩm tại thời điểm phê duyệt dự án là 109.000 đồng/m<sup>3</sup>).

- Về chi phí cho dự án này dự kiến như sau:

+ Tổng doanh thu thu về: 925 tỷ đồng.

+ Chi phí đầu ra (gồm chi phí đầu tư, các loại thuế, phí,...) là 824 tỷ đồng.

- Lợi nhuận thu về sau khi trừ các loại thuế, phí và lãi vay thương mại còn lại là 46 tỷ đồng.

- Tổng kinh phí mà chủ đầu tư nộp vào ngân sách nhà nước trung bình mỗi năm là 29,2 tỷ đồng.

**\* Nhóm nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh phương án vay và trả nợ vốn vay một số dự án thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh:**

13. *Nghị quyết về sửa đổi một số nội dung trong chủ trương đầu tư được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh*

*Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết như sau:*

a) Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư công trình Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Châu Thành và Trường THPT Phan Văn Trị, huyện Giồng Trôm như sau:

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2016 - 2019.

- Tiến độ thực hiện dự án: năm 2015 hoàn tất hồ sơ thủ tục và triển khai thực hiện dự án từ năm 2016 - 2019.

b) Phê duyệt chủ trương đầu tư cho 5 công trình/dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành (giai đoạn 2); Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại; dự án Trường THCS Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú; Dự án Trường Tiểu học Tân Phong, huyện Thạnh Phú; Dự án xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng trên Quốc lộ 60 (đoạn đường dẫn vào Cầu Rạch Miễu), huyện Châu Thành.

14. *Nghị quyết về cho ý kiến Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.*

HĐND tỉnh sẽ cho ý kiến đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đê bao chống ngập, kiểm soát mặn, trữ ngọt, kết hợp đường giao thông xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Với tổng chiều dài khoảng 16km, tổng mức đầu tư khoảng 286 tỷ đồng, nguồn vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ.

15. *Nghị quyết điều chỉnh phương án vay và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện dự án Mở rộng và nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre.*

16. Nghị quyết điều chỉnh phương án vay và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Hợp phần III, dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long vay vốn WB.

**\* Nhóm Nghị quyết cụ thể hóa các quy định của Trung ương:**

17. Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị quyết:

a) Đối với người nghiện ma túy tự nguyện tham gia cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

- Ngân sách nhà nước đảm bảo tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị tâm thần, chỗ ở; hỗ trợ 100% cho phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế; hỗ trợ 100 % chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường.

- Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng; tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức quy định. Phần còn lại 30% người tham gia cai nghiện hoặc gia đình của người nghiện đóng góp và tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/tháng; tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng.

- Riêng các đối tượng sau được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí: người nghiện là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi và người trên 16 tuổi xuất thân từ các cơ sở bảo trợ xã hội; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

b) Đối với người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tại cộng đồng, gia đình:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí tiền thuốc điều trị cắt cơn; 50% tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cơn. Người tham gia cai nghiện hoặc gia đình đóng góp 50% còn lại.

- Riêng các đối tượng sau được hỗ trợ 100% chi phí: người nghiện thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành viên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

18. Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

19. Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị quyết:

- Đối tượng là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi.

- Mức quà tặng:

+ Người cao tuổi thọ 70, 75 tuổi: quà tặng là 200.000 đồng tiền mặt.

+ Người cao tuổi thọ 80, 85 tuổi: quà tặng là 300.000 đồng tiền mặt.

+ Người cao tuổi thọ 90 tuổi: quà tặng gồm hiện vật trị giá 500.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt.

+ Người cao tuổi thọ 95 tuổi: quà tặng gồm hiện vật trị giá 500.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt.

+ Người cao tuổi thọ 100 tuổi: được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà gồm 5 mét vải lụa và 700.000 đồng tiền mặt.

+ Người cao tuổi thọ 110 tuổi: được UBND huyện tổ chức Lễ mừng thượng thọ và mức quà tặng 8.000.000 đồng (tặng tiền mặt là 5.000.000 đồng và kinh phí tổ chức Lễ mừng thượng thọ là 3.000.000 đồng).

*20. Nghị quyết quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị quyết:

- Đối tượng chịu phí: hoạt động khai thác cát (cát san lấp), đất các loại và các loại khoáng sản phát sinh khác.

- Mức thu phí cụ thể:

+ Cát san lấp: 4.000 đồng/m<sup>3</sup>.

+ Đất sét, đất làm gạch, ngói: 2.000 đồng/m<sup>3</sup>.

+ Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: 2.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng.

- Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được để lại 100% cho các huyện, thành phố nơi có hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương.

*21. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị quyết:

- Đối tượng nộp phí: các tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thực hiện thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Mức thu phí: căn cứ vào tổng vốn đầu tư dự án và trường hợp Hội đồng thẩm định độc lập hay thẩm định chung với báo cáo đánh giá tác động môi trường

mà mức thu từ 4 đến 15 triệu. Quy định mức phí trích để lại cho cơ quan thu phí là 90% tổng số tiền thu phí được và 10% phí còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

22. *Nghị quyết quy định việc quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí phục vụ công tác điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

23. *Nghị quyết về phân bổ kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

24. *Nghị quyết quy định chính sách cấp bù lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị quyết:

- Đối tượng áp dụng: doanh nghiệp được thành lập, đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư theo danh mục do UBND tỉnh ban hành nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Mức hỗ trợ: bằng chênh lệch lãi suất vay tại các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại: tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Đối với doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập, thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

25. *Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết như sau:

- Đối tượng áp dụng: nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác, có quy mô diện tích đất sản xuất tối thiểu là 3,1 ha đối với trồng trọt và thủy sản; riêng đối với chăn nuôi thì không tính diện tích mà tính vào giá trị doanh thu 1 tỷ đồng/năm. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. HTX, liên hiệp HTX. Doanh nghiệp. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện chính sách này.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

+ Liên kết đảm bảo ổn định: đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm; đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

+ Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Ngành hàng, sản phẩm hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh là những sản phẩm chủ lực của tỉnh như: dừa, bưởi da xanh, chôm chôm, nhãn, lúa (gạo), hoa kiểng, heo, bò, tôm biển và một số sản phẩm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trong quá trình triển khai thực hiện.

- Nội dung hỗ trợ: chi phí xây dựng tư vấn liên kết, xây dựng hạ tầng phục vụ liên kết; xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

### **\*Nhóm nghị quyết ban hành chính sách đặc thù của tỉnh**

*26. Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Tóm tắt nội dung dự thảo Nghị quyết như sau:

- Đối tượng được hỗ trợ: doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có đầu tư khu du lịch, điểm du lịch, Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay).

- Điều kiện hỗ trợ chung: trong vùng quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng của tỉnh; đáp ứng các tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ; có đăng ký kinh doanh; có cam kết thực hiện ít nhất 05 năm trở lên kể từ thời điểm nhận được kinh phí hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ kinh phí tối đa, cụ thể:

+ Mua sắm trang thiết bị, tiện nghi đối với Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay):

Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 10 đến dưới 30 khách/ngày: 40 triệu đồng/hộ;

Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 30 khách/ngày trở lên: 50 triệu đồng/hộ.

+ Xây dựng nhà vệ sinh công cộng, đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch:

Khu du lịch: 60 triệu đồng/khu.

Điểm du lịch: 40 triệu đồng/điểm.

*27. Nghị quyết quy định chế độ phụ cấp kiêm nhiệm cho người quản lý Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã; Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

*Nghị quyết quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm như sau:*

- Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã kiêm nhiệm hưởng hệ số 0,4 mức lương cơ sở/tháng.



- Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa -Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã kiêm nhiệm hưởng hệ số 0,3 mức lương cơ sở/tháng.

- Chủ nhiệm Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố kiêm nhiệm hưởng hệ số 0,2 mức lương cơ sở/tháng.

28. *Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 3/8/2016 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre.*

Theo hướng nâng mức phí hỗ trợ đào tạo cho mỗi lao động của doanh nghiệp từ 200.000 đồng/lao động/năm lên 400.000 đồng/lao động/năm.

**\*Nhóm nghị quyết do Thường trực HĐND tỉnh trình:**

29. *Nghị quyết về kết quả giám sát hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

30. *Nghị quyết về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020.*

31. *Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh.*

*Danh sách và file các dự thảo Nghị quyết đã được đăng trên Trang thông tin điện tử của HĐND tỉnh, mục Kỳ họp thứ 11, đề nghị đại biểu quan tâm truy cập, lựa chọn Nghị quyết phù hợp với đặc điểm của cử tri nơi tiếp xúc, hoặc những Nghị quyết mà đại biểu cho là cần thiết, để báo cáo thêm cho cử tri nơi tiếp xúc biết.*

## **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 94, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong năm, đại biểu HĐND tỉnh dành thời gian báo cáo với cử tri về kết quả thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND của mình và kết quả hoạt động của HĐND cấp mình để cử tri theo dõi và giám sát. Để đại biểu thực hiện nhiệm vụ này, Thường trực HĐND tỉnh cung cấp thông tin về hoạt động của HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

### **1. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh:**

Đã thực hiện giám sát 03 chuyên đề (01 chuyên đề của HĐND tỉnh và 02 chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh), cụ thể:

1.1. *Giám sát của HĐND tỉnh về hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

1.2. *Giám sát của Thường trực HĐND tỉnh:*

+ Giám sát chuyên đề về việc thực hiện quy trình xây dựng và ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

+ Giám sát về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh.

Sau giám sát, HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh có báo cáo kết quả giám sát<sup>1</sup>. Đại biểu có thể truy cập Trang thông tin điện tử của HĐND tỉnh, mục tài liệu Kỳ họp thứ 11 để tham khảo báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2019 của Thường trực HĐND tỉnh, lựa chọn các nội dung mà đại biểu quan tâm để báo cáo với cử tri nơi tiếp xúc biết.

### *1.3. Giám sát, khảo sát của các Ban HĐND tỉnh:*

#### **- Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh giám sát, khảo sát 07 nội dung:**

+ Khảo sát về tình hình dịch bệnh trên heo tại huyện Mỏ Cày Nam.

+ Khảo sát về tình trạng ngập úng khu vực xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri.

+ Giám sát về công tác quản lý nhà nước về xây dựng và đô thị đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện Bình Đại, Mỏ Cày Nam, Ba Tri và thành phố Bến Tre.

+ Giám sát về hiệu quả quản lý, sử dụng vốn sự nghiệp chi cho khoa học công nghệ giai đoạn 2015-2018 đối với các sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính.

+ Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, thu, chi phân bổ ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2019 đối với Sở Tài chính.

+ Giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn 6 tháng đầu năm 2019 đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2019 đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

#### **- Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh giám sát, khảo sát 07 nội dung:**

+ Khảo sát công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập tại mái ấm Đức Quang, xã Long Hòa, huyện Bình Đại; cô nhi viện Mai Bình, xã Tường Đa, chùa Phật Minh, xã Giao Hòa huyện Châu Thành.

+ Khảo sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn huyện Mỏ Cày Bắc và Thạnh Phú.

+ Khảo sát việc trang cấp, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số trường học trên địa bàn huyện Châu Thành, Bình Đại, Chợ Lách, Mỏ Cày Nam và thành phố Bến Tre.

+ Khảo sát tiến độ xây dựng các dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trình tại kỳ họp thứ 11 tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Khảo sát việc tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nhạc sống tại huyện Giồng Trôm và Mỏ Cày Bắc.

---

<sup>1</sup> Báo cáo số 38/BC-ĐGS ngày 18/01/2019 của Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh; Báo cáo số 235/BC-ĐGS ngày 07/5/2019 của Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh; Báo cáo số 281/BC-ĐGS ngày 29/5/2019 của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh.

+ Giám sát việc thực hiện Luật Thanh niên trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội.

+ Giám sát việc thực hiện Kế hoạch xã hội hóa đầu tư phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 của UBND tỉnh đối với huyện Châu Thành, thành phố Bến Tre và các ngành tỉnh có liên quan.

### **- Ban pháp chế HĐND tỉnh giám sát 03 nội dung:**

+ Giám sát công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Tri và huyện Mỏ Cày Bắc.

+ Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về “nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2019” trong công tác thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại Sở Nội vụ và huyện Châu Thành.

+ Giám sát việc thi hành Luật khiếu nại, Luật tố cáo và kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế của dự án VLAP theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng cuối năm 2017 tại UBND huyện Ba Tri, Thanh tra tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sau giám sát, khảo sát, các Ban HĐND tỉnh đã có báo cáo kết quả giám sát, khảo sát, trong đó có kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương về các giải pháp để khắc phục các tồn tại, hạn chế, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

## **2. Tổ chức các Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh**

Thực hiện quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Thường trực HĐND tỉnh đã tổ chức phiên họp Thường trực hàng tháng theo đúng quy định để thảo luận và thống nhất cho ý kiến theo thẩm quyền đối với các Tờ trình của UBND tỉnh, cụ thể: thông qua hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2019; cho ý kiến về định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành y tế. Thống nhất rút và bổ sung một số nghị quyết vào chương trình kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh; cho ý kiến về các tờ trình của Văn phòng HĐND tỉnh.

## **3. Hoạt động tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 28 tháng 5 năm 2019, Thường trực HĐND tỉnh tiếp nhận 95 đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. Kết quả: các Ban HĐND tỉnh và Văn phòng HĐND tỉnh đã tham mưu cho Thường trực chuyên 27 đơn đến các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền; có văn bản hướng dẫn cho đương sự 12 đơn; có văn bản trả lời đương sự 05 đơn; đang xử lý 07 đơn (do mới nhận) và lưu 44 đơn do gửi trùng.

Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh định kỳ vào ngày 27 hàng tháng. Kết quả, tính đến tháng 5 năm 2019 đã tiếp 62 lượt công dân.

**Đánh giá chung:** trong 6 tháng đầu năm 2019, HĐND tỉnh, Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã thực hiện khá tốt các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Thường trực HĐND tỉnh quan tâm thực hiện đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, hoạt động tiếp xúc cử tri chậm đổi mới về hình thức, chưa có nhiều cuộc tiếp xúc cử tri chuyên đề; công tác giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri của Thường trực HĐND tỉnh hiệu quả chưa cao; tổ đại biểu vẫn chưa thực hiện hết các chức năng, nhiệm vụ theo quy định...

### III. VỀ TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

- Các ý kiến, kiến nghị cử tri sau kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh được UBND tỉnh giải trình tại Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 và đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh đề nghị quý đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu và chọn lọc các nội dung giải trình để báo cáo với cử tri cho phù hợp với địa điểm tiếp xúc nhằm hạn chế cử tri có ý kiến, kiến nghị nhiều lần.

- Tại cuộc tiếp xúc cử tri lần này, những ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải trình tại buổi tiếp xúc thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng của tỉnh và Trung ương sẽ được đại biểu tiếp thu, ghi nhận. Đối với các ý kiến thuộc thẩm quyền giải trình của cấp huyện và cấp xã; đề nghị đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu UBND huyện (hoặc phòng, ban do UBND huyện ủy quyền) và UBND xã trả lời trực tiếp tại buổi tiếp xúc.

- Kết thúc buổi tiếp xúc, đại biểu HĐND tỉnh nêu rõ: Tổng số ý kiến của cử tri, bao nhiêu ý kiến thuộc cấp huyện và cấp xã được trả lời tại buổi tiếp xúc và những nội dung gì được tổng hợp gửi về Thường trực HĐND tỉnh để Thư ký để ghi biên bản.

### IV. MỘT SỐ YÊU CẦU KHI TIẾP XÚC CỬ TRI

1. Đề cương này nhằm cung cấp cho đại biểu những thông tin cần báo cáo cho cử tri trước mỗi Kỳ họp theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương. Đại biểu có thể chọn lọc, biên tập lại cho ngắn gọn, dễ hiểu. Đại biểu cần gọi mở các vấn đề mà cử tri tại địa phương đó quan tâm để thu hút cử tri tham gia ý kiến, đồng thời đặt vấn đề với cử tri về những vấn đề cần đại biểu phản ánh tại kỳ họp.

2. Sau cuộc tiếp xúc cử tri, đề nghị Tổ trưởng (hoặc Tổ phó) các Tổ đại biểu tổng hợp, báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri (theo mẫu kèm theo) và gửi kèm biên bản các điểm tiếp xúc cử tri của các đại biểu trong Tổ về Thường trực HĐND tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh **chậm nhất 03 ngày** sau đợt tiếp xúc cử tri.

Trên đây là đề cương để đại biểu sử dụng tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh, khoá IX. Đại biểu cũng có thể tải file văn bản trên Trang thông tin điện tử của HĐND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh (2b);
- Phòng TH-VP HĐND tỉnh (7b);
- Trang TT điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. Ph

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**BÁO CÁO**  
**Kết quả tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 11,**  
**Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX**

**1. Thời gian, địa điểm tiếp xúc:**

- Thời gian: ..... giờ .... phút, ngày .... tháng 6 năm 2019.

-Địa điểm: xã ....., huyện .....

**2. Thành phần tham dự buổi tiếp xúc:**

- Đại biểu HĐND tỉnh tham dự tiếp xúc cử tri:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

- Đại biểu HĐND tỉnh vắng tiếp xúc cử tri, lý do vắng:

.....  
.....  
.....

- Tổng số cử tri tham dự: ..... cử tri.

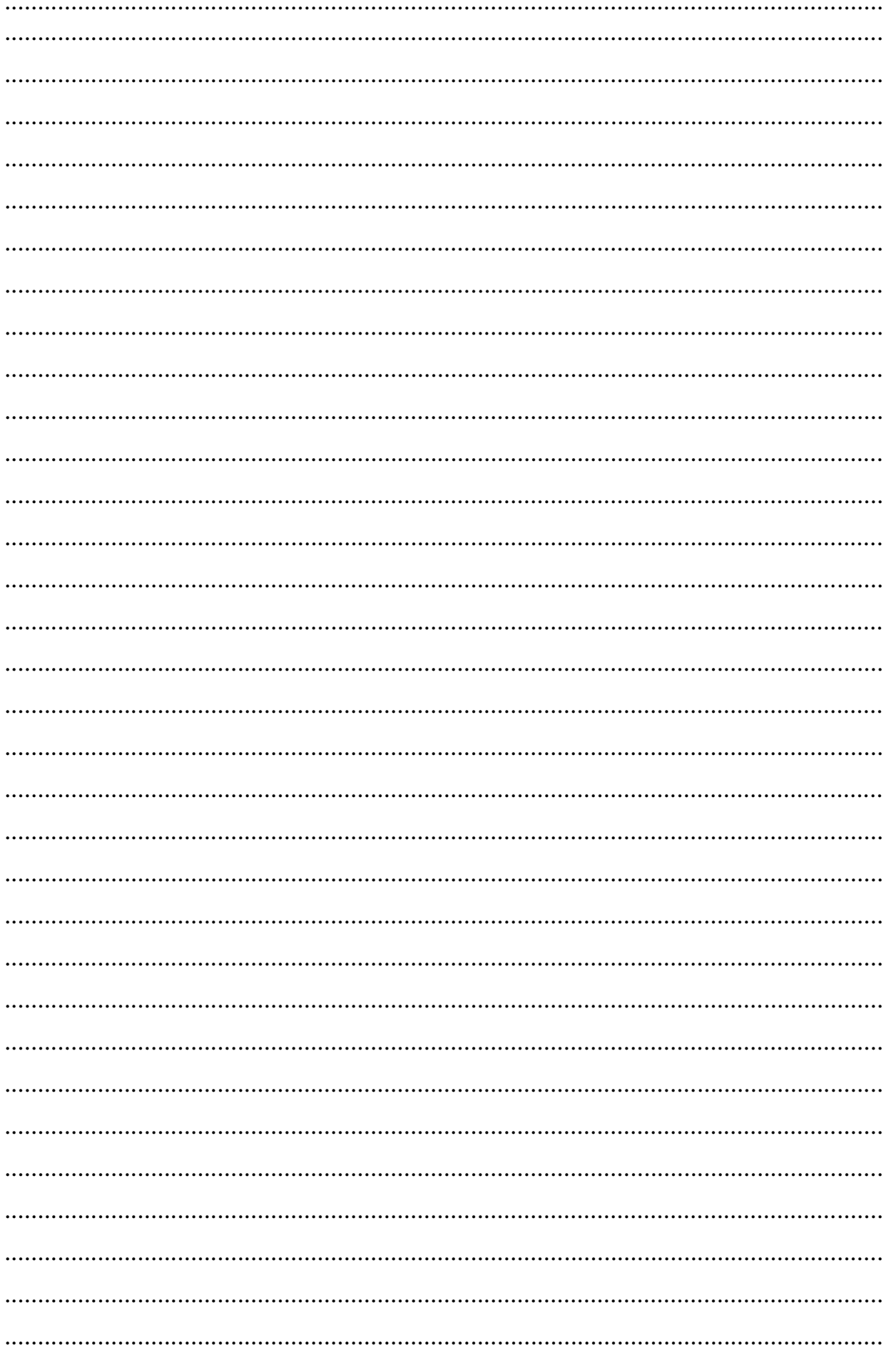
**3. Kết quả tiếp xúc:**

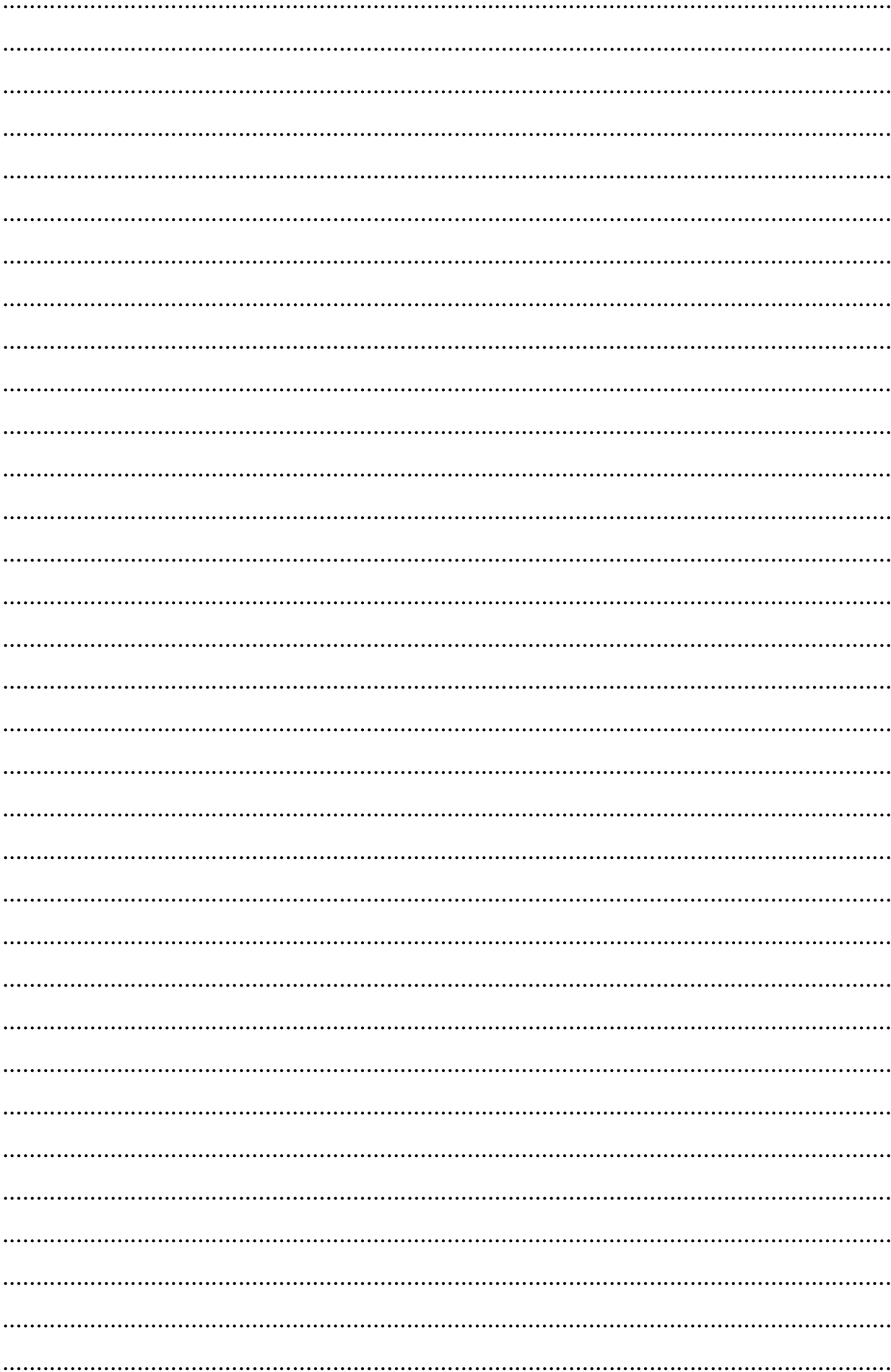
- Tổng số cử tri phát biểu: ..... cử tri, với ..... ý kiến.

- Số ý kiến cử tri thuộc thẩm quyền của cấp huyện và cấp xã đã được giải trình tại buổi tiếp xúc: ..... ý kiến.

- Số ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của trung ương, các cơ quan cấp tỉnh (cần ghi rõ nội dung phản ánh và cơ quan giải quyết): ..... ý kiến.  
Cụ thể:

.....







.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trên đây là kết quả tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh của đại biểu (Tổ đại biểu) ....., xin báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;

....., ngày ... tháng 6 năm 2019

**Đại biểu (Tổ đại biểu)**